

Số: 14./QĐ-KHCN

Tây Ninh, ngày 16 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2018
của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 20/TB-STC ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài chính về kết quả thẩm định Dự toán năm 2018,

Căn cứ Quyết định số 7/QĐ-KHCN ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc giao dự toán ngân sách năm 2018 cho Văn Phòng Sở;

Xét đề nghị của Phụ trách Phòng kế hoạch – Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Văn Phòng Sở Khoa học và Công nghệ (Biểu 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính, trưởng các phòng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.KHTC.

GIÁM ĐỐC



DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-KHCN ngày 16/01/2018

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I. Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	63.000.000
1. Tổng số thu phí, lệ phí	63.000.000
2. Phí, lệ phí nộp ngân sách	16.000.000
3. Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại	47.000.000
II. Dự toán chi NSNN	16.981.000.000
Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	3.338.000.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.643.000.000
1. Chi quản lý hành chính: Loại 340 - 341	3.599.000.000
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	3.338.000.000
+ Ngân sách nhà nước giao	3.338.000.000
. Quỹ lương	2.367.000.000
. Chi hoạt động	971.000.000
Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL	79.000.000
+ Sử dụng từ nguồn CCTL năm trước chuyển sang	0
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	261.000.000
KP cho CBCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính	16.000.000
KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	25.000.000
KP Lương hợp đồng (DNCC chuyển sang)	46.000.000
KP đối nội - đối ngoại (tiết kiệm 10%)	50.000.000
Chi phí phục vụ cho công tác thu lệ phí (tiết kiệm 10%)	40.000.000
Kinh phí mua sắm, sửa chữa	75.000.000
KP trang phục thanh tra	9.000.000
Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL	10.000.000
2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Loại 100	13.382.000.000
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	-
Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL	
2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.382.000.000
Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (khoản 102)	6.800.000.000
Trang thiết bị cho khoa học và công nghệ (khoản 103)	6.582.000.000

Cg